TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2021/HSST
Ngày: 13/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phượng

2. Ông Lê Văn Ninh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa:* Bà Thái Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 643/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 663/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đăng L, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982 tại TH; Nơi cư trú: Tổ X, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Phạm Văn D, sinh năm 1945 và con bà Trần Thị L1, sinh năm 1950; Bị cáo có vợ là Hà Thị N, sinh năm 1984; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 517 ngày 20/8/1999 Công an thành phố TH xử phạt vi phạm hành chính số tiền 50.000 đồng về hành vi trộm cắp vặt. Chấp hành xong ngày 20/8/1999.

+ Tại bản án số 66/HSPT ngày 29/6/2005 Tòa án nhân dân tỉnh TH xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Nộp án phí ngày 29/10/2006.

+ Tại bản án số 77/2006/HSST ngày 09/5/2006 Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt của bản án số 66/HSPT ngày 29/6/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh TH, buộc Phạm

Đăng L phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 18 tháng tù. Chấp hành xong cả hai bản án ngày 14/10/2007.

+ Tại bản án số 20/2008/HSST ngày 29/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 14/4/2009.

+ Tại bản án số 375/2011/HSST ngày 30/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 1.500.000đ. Chấp hành xong bản án ngày 25/01/2015.

+ Tại bản án số 91/2015/HSST ngày 30/3/2015 của Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp là 1.000.000đ. Chấp hành xong bản án ngày 03/8/2015.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH (bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/9/2020 đến nay). *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, HKTT: xóm H, xã T, huyện P, tỉnh TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1984, trú tại: Tổ X, phường Q, thành phố TH *(Có mặt)*.

** Người làm chứng*:

1. Ông Mạc Quang K, sinh năm 1956 - trú tại tổ Z, phường H, thành phố TH *(Vắng mặt)*.

2. Anh Mạc Hải B, sinh năm 1986 – trú tại tổ Z, phường H, thành phố TH *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, Phạm Đăng L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 –312.72 đi từ nhà đến khu vực phường H, thành phố TH mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 21giờ 00 phút cùng ngày, L đi qua dãy phòng trọ của nhà ông Mạc Quang K, sinh năm 1956, ở tổ Z, phường H, thành phố TH thấy mất điện, cổng không khóa, xung quanh vắng người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đỗ xe ở trước cổng dãy trọ rồi đi bộ vào phòng trọ thứ 2 từ cổng vào (sau xác định là phòng trọ của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2001, trú tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh TH). Quan sát không có ai trong phòng và thấy trên giường ngủ có 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu Dell đang cắm sạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen bạc để ở ghế, L cầm chiếc điện thoại trên cho vào túi quần phía sau bên trái rồi ôm máy tính xách tay và dây sạc đi khỏi phòng. Khi L đi đến cổng dãy trọ thì gặp chị H đi về, chị H thấy L đi từ phòng mình ra, tay đang ôm chiếc

máy tính xách tay và dây sạc của mình nên yêu cầu L trả lại tài sản, L đưa lại chiếc máy tính và dây sạc cho chị H, chị H đã hô hoán quần chúng nhân dân giữ L lại, L tự giác lấy chiếc điện thoại vừa trộm được của chị H ra giao nộp. Chị H đã làm đơn trình báo Công an phường H để được giải quyết.

Công an phường H đã đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Đăng L và thu giữ vật chứng theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ của L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 – 312.72, 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh và số tiền 22.190.000 đồng.

Tại bản kết luận số 238/HĐĐGTS ngày 28/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu xám, số Imei 359159075668435 dung lượng 32Gb, đã qua sử dụng kèm theo 01 vỏ ốp lưng màu xanh lá có họa tiết, 01(một) chiếc máy tính màu đen nhãn hiệu Dell số loại Inspiron 15 – 3567, cấu hình Intel Core i3-6006U 2.0 GHz/4GB DDR4 2400 MHz/HDD 1TB 5400rpm/15.6 inch/AMD RadeonR5 M430 2GB đã qua sử dụng kèm theo Adapter và dây nguồn. Giá trị của các tài sản trên là 6.800.000đ *(Sáu triệu tám trăm nghìn đồng).*

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 – 312.72, 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Đăng L, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh và số tiền 22.190.000 đồng. Hiện đang được bảo quản tại kho và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen bạc, đã qua sử dụng, 01(một) chiếc máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu Dell Inspiron 15 – 3000 series và dây nguồn hiện đã thu hồi được và trả cho chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Chị H đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số 643/CT-VKSTPTN ngày 30/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Phạm Đăng L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 24/9/2020, L một mình điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 –312.72 đi từ nhà đến khu vực phường H, thành phố TH. Đến khoảng 21giờ cùng ngày, L thấy dãy phòng trọ của nhà ông Mạc Quang K mất điện, cổng không khóa, xung quanh vắng người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L đỗ xe ở trước cổng dãy trọ rồi đi bộ vào phòng trọ thứ 2 tính từ cổng vào. Quan sát không có ai trong phòng, trên giường ngủ có 01 máy tính xách tay đang cắm sạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen bạc để ở ghế, L cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần phía sau bên trái rồi ôm máy tính xách tay và dây sạc đi ra khỏi phòng. Khi đi

đến cổng dãy trọ thì gặp chị H là người ở phòng trọ trên đi về, chị H thấy L đi từ phòng mình ra, tay đang ôm chiếc máy tính xách tay và dây sạc của mình nên yêu cầu L trả lại tài sản, L đưa lại chiếc máy tính và dây sạc cho chị H, chị H đã hô hoán quần chúng nhân dân giữ L, L tự giác lấy chiếc điện thoại vừa trộm được của chị H ra giao nộp.

Chị Hà Thị N trình bày: Nguồn gốc số tiền mua chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 –312.72 và số tiền 22.190.000đ là của vợ chồng tích cóp, tiết kiệm được. Hiện nay vợ chồng tôi đang chung sống cùng bố mẹ trên 70 tuổi và là người có công với Cách mạng nên kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho tôi xin lại số tài sản trên.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Phạm Đăng L phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Phạm Đăng L từ 15 đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt vấn đề xem xét.

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho bị cáo số tiền 22.190.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 – 312.72 cùng 01 đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Đăng L; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Đăng L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 24/9/2020 tại tổ 06, phường H, thành phố TH, Phạm Đăng L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell màu đen kèm 01 dây sạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu đen bạc của chị Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị H là 6.800.000đ *(Sáu triệu tám trăm nghìn đồng)*. Hiện toàn bộ tài sản đã được thu hồi trả lại cho chị H là chủ sở hữu quản lý sử dụng, chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố Phạm Đăng L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên trong vụ án này bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Gây thiệt hại nhưng không lớn", tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bố, mẹ đẻ bị cáo là thương binh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 BLHS. Song cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi, tính chất phạm tội của bị cáo nhằm ngăn ngừa tội phạm nói chung và răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến*

50.000.000 đồng" do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo là người lao động không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang chung sống cùng bố mẹ đẻ trên 70 tuổi, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, người bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 – 312.72 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Đăng L và số tiền 22.190.000đ. Tại phiên tòa, bị cáo và chị Hà Thị N đều xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng, khi bị cáo lấy xe và mang tiền đi chị Nam không biết. Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho gia đình bị cáo sử dụng.

+ 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Phạm Đăng L là giấy tờ tùy thân của bị cáo và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh xác định không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về các vấn đề khác: Khi L bị bắt quả tang, cơ quan Công an thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 20B2 – 312.72 và số tiền 22.190.000 đồng, theo tài liệu điều tra xác định chiếc xe và số tiền thu giữ của L là tài sản chung của vợ chồng giữa L và chị Hà Thị N, chị N không biết L sử dụng chiếc xe mô tô và mang số tiền trên khi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không xem xét xử lý đối với chị Nam là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: bị cáo Phạm Đăng L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt: Bị cáo Phạm Đăng L 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2020.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 090961753, 01 giấy phép lái xe số 190116195199, 01 đăng ký xe mô tô 20B2 – 312.72 đều mang tên Phạm Đăng L và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme 5i màu xanh, số Imei1: 860343042529753, Imei2: 860343042529746; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại AirBlade, màu sơn đỏ đen xám, BKS: 20B2 – 312.72, số máy JF94E0068305, số khung 6339LZ028245, dung tích 124, đã qua sử dụng và số tiền 22.190.000đ *(Hai mươi hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng)theo Ủy nhiệm chi số 143 ngày 25/12/2020.*

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 169 ngày 06/01/2021 giữa Công an thành phố TH và Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH, tỉnh TH).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc